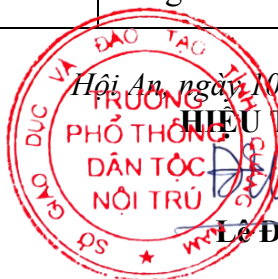


(Biểu mẫu 09)

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam
năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Trúng tuyển kỳ thi Tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở GD&ĐT tổ chức	Đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không nhận HS chuyển trường đến.	
II	Chương trình giáo dục nhà trường thực hiện	Kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh (Chương trình Giáo dục nhà trường)		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh, thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh nhà trường trường, Ban đại diện CMHS tại các huyện miền núi có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. -Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. -Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở nhà trường	Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho học sinh		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	-100% học sinh có ý thức phấn đấu học tập, rèn luyện; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh, chấp hành nghiêm túc nội quy. -Học tập: 100% học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu chương trình. Duy trì 100 % lên lớp thẳng; Riêng khối lớp 12: 100 % tốt nghiệp THPT, 90 % đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng. -Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100 % lên lớp thẳng	100 % lên lớp thẳng	100% TNTHPT; Trên 90 % đỗ vào ĐH, CĐ



Hội An, ngày 10 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG PHỔ THÔNG
DÂN TỘC NỘI TRÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Biểu mẫu 10)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của PTDTNT tỉnh Quảng Nam
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	457	154	153	150
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99.8%	99.4%	100%	100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.2%	0.6%	0%	0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	457	154	152	152
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.6%	19.5%	26.1%	25.3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	69.6%	68.8%	72.5%	67.3%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	6.8%	11.7%	1.3%	7.3%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	457	154	153	150
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.6%	19.5%	26.1%	25.3%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	69.6%	68.8%	72.5%	67.3%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	20			20
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	150			150
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (tỷ lệ so với tổng số)	100%			100%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	92,8%			92.8%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	101/356	38/116	33/120	30/120
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số				



Hội An, ngày 11 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHỔ THÔNG
DÂN TỘC
NỘI TRÚ

Lê Đức Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG PHỔ THÔNG
DÂN TỘC NỘI TRÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Biểu mẫu 11)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	21	1,5m²/hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1,4m ² /hs
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
5	Số phòng học bộ môn	03	1,7m ² /hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	-
7	Bình quân lớp/phòng học	15/15	-
8	Bình quân học sinh/lớp	30,4	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	27000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	23487	
VI	Tổng diện tích các phòng	2098	
1	Diện tích phòng học (m ²)	675	1,54m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	210	0,48m ² /hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	66	0,15m ² /hs
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	110	0,25m ² /hs
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	689	1,58m ² /hs
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10	01	0.2
1.2	Khối lớp 11	01	0.2
1.3	Khối lớp 12	01	0.2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	Số bộ/lớp
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	Số học sinh/bộ 0.07

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	0.6
2	Cát xét	00	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu projector	02	0.004

STT	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	350 m ²
XI	Nhà ăn	1065 m ²

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	80, 1920 m ²	480	4 m ²

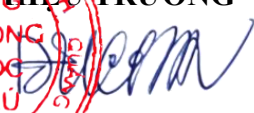
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		41/41		0.26m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Hội An, ngày 11 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG HIỆP TRƯỞNG

PHỔ THÔNG
DÂN TỘC
NỘI TRÚ



Lê Đức Sơn

(Biểu mẫu 12)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

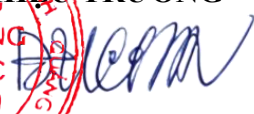
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của PTDTNT tỉnh Quảng Nam năm học 2021 - 2022**

[illegible]

8	Nhân viên hỗ trợ GD người Kh tật														
9	Nhân viên công nghệ thông tin														
10	Nhân viên Quản trị	1					1								
11	Nhân viên bảo vệ	3					1	2							
12	Nhân viên cấp dưỡng	11						11							

Hội An, ngày 11 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Đức Sơn